TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2025/HS-PT
Ngày: 19/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Phước Hoà

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long và ông Đặng Kim Nhân

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Thành An, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 12 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 201/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị cáo bị kháng cáo*:

Nguyễn Văn H, sinh ngày: 27/7/1984, tại tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: Thôn C, xã M (xã K, huyện M), tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1 và bà Trương Thị T1; Vợ: Trịnh Thị Thanh V (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/02/2021 bị phạt tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt hành chính số 06/QĐ-XPHC của Chủ tịch UBND xã E về hành vi "*Đánh bạc trái phép"*, đã chấp hành xong. Bị tạm giam từ ngày 08/5/2024 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:* Bà Đặng Phương L - Luật sư thuộc Văn phòng L3, Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: 8 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị hại:* ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt);.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu đầu tư đất nên ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1985, địa chỉ cư trú: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang) đã nhờ bị cáo Nguyễn Văn H đứng ra tìm giúp các nguồn đất tại khu vực xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. H nói với ông T2 đầu tư mua đất tại khu vực này sẽ sinh lời cao thì ông T2 đồng ý. Do ông T2 không có nhiều thời gian để trực tiếp đến tỉnh Đắk Lắk khảo sát và xem nguồn đất nên đã nhờ H đứng ra giúp mình để làm trang trại và phân lô bán nền. Hai bên thỏa thuận khi H tìm được nguồn đất phù hợp theo yêu cầu của ông T2 (diện tích khoảng 30 hecta liền kề nhau tại một khu vực nằm trong địa bàn xã C), H sẽ đứng ra thay mặt ông T2 thỏa thuận giá cả, đồng thời báo cho ông T2 biết thông tin về các thửa đất để ông T2 chuyển tiền. H đứng ra thay ông T2 làm hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với các chủ đất, khi ký được các hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng đất, H có trách nhiệm giao lại các hợp đồng này cho ông T2 theo dõi, quản lý. Sau khi việc chuyển nhượng các thửa đất đã được cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động sang tên H thì H sẽ có trách nhiệm làm hợp đồng ủy quyền định đoạt hoặc chuyển nhượng tất cả các thửa đất này lại cho ông T2. Thời điểm này, hai bên thỏa thuận H là người đi mua đất giúp cho ông T2, sau khi mua đủ diện tích theo yêu cầu của ông T2 thì ông T2 sẽ trả lương và tiền hoa hồng cho H sau. Toàn bộ tiền bỏ ra mua đất là của ông T2, H không góp tiền để mua chung.

Sau khi thỏa thuận các nội dung trên, khoảng tháng 3/2022 H báo cho ông T2 đã liên hệ hỏi mua được một số thửa đất của người dân với tổng diện tích khoảng 18 hecta tại xã C cho ông T2, thì ông T2 đồng ý để H mua hết tất cả diện tích đất trên. Thực tế tại thời điểm này H chỉ mới liên hệ hỏi mua cho ông T2 được khoảng 71.395m^2 (khoảng 07 hecta) tại xã C, cụ thể: Các thửa đất số 56, 57, 31, tổng diện tích 27.715m^2 của ông Trần Duy D; Các thửa đất số 79, 80, 120, 120a, 260, 261, 262, tổng diện tích 40.560m^2 của ông Ngô Đình T3 và ông Y Ci B và thửa đất 10, diện tích 3.170m^2 của bà Lê Thị V1 (thông qua ông Nguyễn Văn M).

Tuy nhiên, sau khi hỏi mua và thỏa thuận lập các hợp đồng đặt cọc thực tế với vợ chồng ông Y Ci B, bà Lê Thị V1 và ông Ngô Đình T3, H không chụp gửi cho ông T2 các hợp đồng đặt cọc này mà nảy sinh ý định nâng khống giá trị tiền đặt cọc hoặc tiền mua bằng cách làm lại các hợp đồng đặt cọc giả để chụp gửi cho ông T2 nhằm chiếm đoạt tiền chênh lệch, cụ thể:

Hợp đồng giả số 1 (ngày 28/3/2022): Thể hiện H đặt cọc 900.000.000 đồng để mua các thửa đất của ông Ngô Đình T3 với giá 2,87 tỷ đồng. Thực tế tại thời điểm này, H mới chỉ đặt cọc 500.000.000 đồng bằng tiền cá nhân. Hợp đồng giả này do bà Lê Thị D1 viết nội dung và ông Trương Văn L1 ký làm chứng.

Hợp đồng giả số 2 (ngày 22/3/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 150.000.000 đồng để mua thửa đất số 120 của vợ chồng ông Y Ci B với giá 450.000.000 đồng. Thực tế, H thỏa thuận mua với giá 420.000.000 đồng và đã đặt cọc 200.000.000 đồng bằng tiền cá nhân. Hợp đồng giả này do ông Lương Quốc A viết nội dung và ký làm chứng.

Hợp đồng giả số 3 (ngày 22/3/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 500.000.000 đồng để mua thửa đất số 10 của bà Lê Thị V1 với giá 1,6 tỷ đồng. Thực tế, H mới chỉ đặt cọc 200.000.000 đồng bằng tiền cá nhân. Hợp đồng giả này do ông Lương Quốc A viết nội dung và ký làm chứng.

Hợp đồng giả số 4 (ngày 13/4/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 1.000.000.000 đồng để mua 03 thửa đất của ông Trần Duy D với giá 3,35 tỷ đồng. Thực tế tại thời điểm này, H mới chỉ đặt cọc 200.000.000 đồng bằng tiền cá nhân. Hợp đồng giả này do bà Lê Thị D1 viết nội dung và ký làm chứng.

Sau khi nhận được những khoản tiền đầu tiên từ ông T2 và sử dụng hết vào mục đích cá nhân, H tiếp tục hành vi lừa đảo bằng cách bịa đặt ra 08 giao dịch mua bán đất không có thật. H đã nhờ bà Lê Thị D1 tìm kiếm thông tin và hình ảnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) trên mạng xã hội facebook. Từ những thông tin này, H đã tự viết hoặc nhờ bà Lê Thị D1, ông Lương Quốc A viết nhiều hợp đồng giả một lúc mà không hề có bất kỳ liên hệ nào với các chủ đất. Để các hợp đồng giả thêm phần tin cậy, H đã tự ký giả tên các chủ đất hoặc nhờ bà Lê Thị D1, ông Lương Quốc A, ông Trương Văn L1, ông Trịnh Quốc V2 ký vào mục *"Bên bán"* và *"Người làm chứng"*. Cụ thể:

Hợp đồng giả số 5 (ngày 30/3/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 800.000.000 đồng để mua đất của vợ chồng ông Lê Văn T4. Hợp đồng này do bà Lê Thị D1 viết nội dung, ký giả và viết tên thay cho cả bên bán, sau đó ông Lương Quốc A ký làm chứng.

Hợp đồng giả số 6 (ngày 11/4/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 300.000.000 đồng để mua đất của ông Lương Văn N. Hợp đồng này do ông Lương Quốc A viết nội dung.

Hợp đồng giả số 7 (ngày 12/4/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 500.000.000 đồng để mua đất của bà Trần Thanh H2 và bà Trần Thị H3. Hợp đồng này do H tự viết và nhờ ông Trương Văn L1 ký làm chứng.

Hợp đồng giả số 8 (ngày 14/4/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 200.000.000 đồng để mua đất của ông Nguyễn Văn S. Hợp đồng này do H tự viết và nhờ ông Trịnh Quốc V2 ký làm chứng.

Hợp đồng giả số 9 (ngày 16/4/2022): Thể hiện H đặt cọc 350.000.000 đồng để mua đất của vợ chồng ông Lưu Văn H4. Hợp đồng này do H tự viết và nhờ ông Trương Văn L1 ký làm chứng.

Hợp đồng giả số 10 (ngày 17/4/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 900.000.000 đồng để mua đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn T5. Hợp đồng này do bà Lê Thị D1 viết nội dung và ký làm chứng.

Hợp đồng giả số 11 (ngày 19/4/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 500.000.000 đồng để mua đất của ông Lương Văn N. Hợp đồng này do ông Lương Quốc A viết nội dung.

Hợp đồng giả số 12 (ngày 19/4/2022): Thể hiện Hợp đặt cọc 200.000.000 đồng để mua đất của ông Nguyễn Đức L2. Hợp đồng này do ông Lương Quốc A viết nội dung.

Tin vào 12 hợp đồng giả mà H gửi qua zalo, trong khoảng thời gian từ ngày 22/3/2022 đến ngày 31/5/2022, ông T2 đã chuyển khoản cho H tổng cộng **8.358.000.000 đồng**. Ngay sau mỗi lần nhận được tiền, H đã không sử dụng để mua đất cho ông T2 như đã hứa hẹn trong các hợp đồng giả. Thay vào đó, H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để sử dụng vào các mục đích cá nhân như: trả nợ lãi vay ngân hàng, trả nợ cho nhiều cá nhân khác, mua các thửa đất cho riêng mình tại TP ., huyện C, xã E và tiêu xài cá nhân.

Một thời gian sau, do bị ông T2 hối thúc và lo sợ hành vi bị phát hiện, H mới vay mượn tiền từ các nguồn khác để tiến hành mua một số thửa đất nhằm khắc phục hậu quả cho ông T2, cụ thể như sau:

Mua các thửa đất mới tại xã C: Hợp đã sử dụng các nguồn tiền khác để mua và chuyển nhượng cho ông T2 các thửa đất sau:

Ngày 27/4/2022: Mua các thửa đất số 20, 21, 22 (tờ bản đồ số 10) của vợ chồng bà Lê Thị V1 với tổng giá trị 3.425.000.000 đồng. Các thửa đất này do H trực tiếp đứng ra nhận chuyển nhượng.

Ngày 16/5/2022: Mua các thửa đất số 260, 261, 262 (tờ bản đồ số 7) của vợ chồng ông Ngô Đình T3 với giá trị 1.400.000.000 đồng. H yêu cầu vợ chồng ông T3 ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng trực tiếp cho ông T2.

Ngày 18/5/2022: Mua thửa đất số 120 (tờ bản đồ số 7) của vợ chồng ông Y Ci B với giá trị 420.000.000 đồng. H nhờ vợ chồng bà Lê Thị D1 đứng tên nhận chuyển nhượng thửa đất này.

Đối với khoản tiền cọc 1.200.000.000 đồng đã đặt cho ông Trần Duy D, sau khi ông T2 không đồng ý nhận thửa đất này, ông T2 đã trực tiếp nhận lại từ ông D số tiền 800.000.000 đồng.

Khi ông T2 phát hiện ra hành vi gian dối, H đã tiếp tục thực hiện các biện pháp khắc phục khác, bao gồm:

Ngày 22/7/2022: Ủy quyền cho ông T2 toàn quyền định đoạt đối với các thửa đất số 95, 98, 101 (tờ bản đồ số 60) tại huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Chuyển khoản trả lại tiền mặt cho ông T2 số tiền 700.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông T2 còn phải tự bỏ thêm tiền để giải quyết các khoản nợ của H với những người khác để lấy lại các tài sản, cụ thể:

Để nhận lại các thửa đất (số 120 và 3010) do vợ chồng bà Lê Thị D1 đứng tên hộ, ông T2 đã phải chuyển cho bà D1 2.200.000.000 đồng để trả các khoản nợ mà H nợ vợ chồng bà D1.

Để nhận lại thửa đất và căn nhà tại xã E, ông T2 đã phải thanh toán cho vợ chồng ông Trần Văn C số tiền 1.515.781.000 đồng để trả nợ ngân hàng thay cho H.

Để nhận lại 2/3 giá trị thửa đất tại xã E, ông T2 đã thanh toán cho ông Phạm Văn C1 số tiền 1.400.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2025/HS-ST ngày 12/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

"Căn cứ các Điều 48, 106, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H *phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H *13 (Mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khỏan 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H *01 (Một) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn H *phải chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 08 tháng 5 năm 2024.*

- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận nhận định và kết luận trong Cáo trạng số 78/CT-VKS-P3 ngày 27/5/2025 của VKSND tỉnh Đắk Lắk; xác định bị cáo Nguyễn Văn H *đã bồi thường, khắc phục xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại là ông* Nguyễn Văn T2.

Về các biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tài sản: Chấp nhận đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ *trong Kết luận điều tra số 125/BKL-VPCQCSĐT-Đ3 của ngày 29/4/2025: Tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tài sản đối với các tài sản là bất động sản, động sản, phương tiện giao thông... của bị cáo* Nguyễn Văn H *theo các văn bản của Cơ quan Cảnh sát điều tra* Công an tỉnh Đ *ban hành có trong hồ sơ vụ án để đảm bảo công tác bồi thường, khắc phục hậu quả, giải quyết các vấn đề khác có liên quan đến vụ án."*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/9/2025, bị hại ông Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H, buộc bị cáo phải bồi thường cho ông T2 số tiền 3.617.000.000 đồng và tiền lãi là 3.000.000.000 đồng; đề nghị Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn việc chuyển nhượng, đăng ký biến động liên quan đến các thửa đất của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn H, bà Trịnh Thị Thanh V để đảm bảo thi hành án

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng thấy Hội đồng xét xử, thư ký đã thuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Căn cứ vào những tài liệu có trong hồ sơ thì Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức hình phạt 13 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 01 năm tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là phù hợp, thấy giá trị tài sản mà ông T2 được nhận nhiều hơn số tiền mà ông T2 đã chuyển cho bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo bồi thường cho ông T2 là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T2 không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian tháng 11/2021, Nguyễn Văn H dùng thông tin gian dối là mua đất hộ để ông Nguyễn Văn T2 chuyển tiền cho H rồi chiếm đoạt với tổng cộng số tiền 1.938.000.000 đồng (một tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu đồng), ngoài ra bị cáo H còn dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để mang đi cầm cố để vay tiền. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", "*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật. Bị cáo không có kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, thấy:

Ông T2 chỉ có quyền kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt bị cáo H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Bị cáo Nguyễn Văn H bị truy tố xét xử vì có hành vi lừa chiếm đoạt của ông T2 số tiền 1.938.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá xem xét bị cáo H có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*", nhưng bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại nên xử phạt bị cáo mức hình phạt 13 năm tù là phù hợp.

Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của ông Nguyễn Văn T2.

[3]. Xét kháng cáo yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.617.000.000 đồng và tiền lãi 3.000.000.000 đồng.

[3.1] Trong thời gian từ ngày 22/3/2022 đến ngày 31/5/2022, ông T2 đã sử dụng các số tài khoản 0740119999999 và 6666999966666 của Ngân hàng TMCP Q (M1) cùng mang tên Nguyễn Văn T2 để chuyển khoản cho bị cáo số tiền 8.358.000.000 thông qua số tài khoản ngân hàng 5210279797979 của Ngân hàng N1 (A1) mang tên Nguyễn Văn H.

Để nhận lại các thửa đất thì ông T2 đã chuyển cho vợ chồng bà Lê Thị D1 2.200.000.000 đồng, chuyển cho vợ chồng ông Trần Văn C 1.515.781.000 đồng, chuyển cho ông Phạm Văn C1 1.400.000.000 đồng. Tổng số tiền là 5.115.781.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bị hại ông Nguyễn Văn T2 bị thiệt hại là 13.473.781.000 đồng.

[3.2]. Giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn H đã chuyển cho ông Nguyễn Văn T2:

Bị cáo Nguyễn Văn H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T2 những thửa đất tọa lạc tại xã C: thửa số 20, 21, 22 tờ bản đồ số 10; thửa số 260, 261, 262 tờ bản đồ số 7; thửa số 120 tờ bản đồ số 7 và thửa số 95, 98, 101 tờ bản đồ số 60 tọa lạc huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Theo các Kết luận định giá tài sản số 1732 ngày 28/5/2024; Kết luận định giá tài sản số 781 ngày 27/02/2025; Kết luận định giá tài sản số 782 ngày 27/02/2025; Kết luận định giá tài sản số 783 ngày 27/02/2025; Kết luận định giá tài sản số 784 ngày 27/02/2025; Kết luận định giá tài sản số 785 ngày 27/02/2025; Kết luận định giá tài sản số 786 ngày 27/02/2025; Kết luận định giá tài sản số 787 ngày 27/02/2025; Kết luận định giá tài sản số 788 ngày 27/02/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk và Kết luận định giá tài sản số 163 ngày 14/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Nông thì những thửa đất mà bị cáo đã chuyển nhượng cho ông T2 có tổng giá trị 12.138.416.745 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T2 còn nhận 800.000.000 triệu từ ông Trần Duy D và 700.000.000 đồng từ bị cáo. Như vậy, tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn T2 nhận được là 13.638.416.745 đồng, cao hơn số tiền ông T2 bị thiệt hại.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông T2 về việc buộc bị cáo H phải bồi thường thêm số tiền 3.617.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000.000 tiền lãi.

[4] Tại phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm đã quyết định "*Tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tài sản đối với các tài sản là bất động sản, động sản, phương tiện giao thông... của bị cáo* Nguyễn Văn H *theo các văn bản của Cơ quan Cảnh sát điều tra* Công an tỉnh Đ *ban hành có trong hồ sơ vụ án để đảm bảo công tác bồi thường, khắc phục hậu quả, giải quyết các vấn đề khác có liên quan đến vụ án"* nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T2 về việc đề nghị Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với tài sản của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn H, bà Trịnh Thị Thanh V.

[5].Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 13 (Mười ba) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khỏan 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

3. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 08/5/2024.

4. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận nhận định và kết luận trong Cáo trạng số 78/CT-VKS-P3 ngày 27/5/2025 của VKSND tỉnh Đắk Lắk; xác định bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường, khắc phục xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại là ông Nguyễn Văn T2.

5. Về các biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tài sản: Chấp nhận đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ trong Kết luận điều tra số 125/BKL-VPCQCSĐT-Đ3 của ngày 29/4/2025: Tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tài sản đối với các tài sản là bất động sản, động sản, phương tiện giao thông... của bị cáo Nguyễn Văn H theo các văn bản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ban hành có trong hồ sơ vụ án để đảm bảo công tác bồi thường, khắc phục hậu quả, giải quyết các vấn đề khác có liên quan đến vụ án

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông T2 đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002007 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

7. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT&KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk;;
- CQCSĐT thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS thuộc tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hoà